TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/11/2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Vinh.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hồng Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 225/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị S, sinh ngày 1996.

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp K, xã H (nay là khu K, thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: Ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chị S có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, bản tự khai ngày 03/4/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tụng, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng thì Chị và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào tháng 4 năm 2011, có tổ

chức lễ cưới nhưng đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, do cả hai cùng tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ tại ấp X, xã P, huyện N để đi làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân, là do khó khăn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ nhau. Vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc tìm cách hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng cha, mẹ hai bên đều biết. Vì vậy, từ khoảng cuối năm 2015, Chị về thuê nhà trọ tại xã H, huyện N và sống ly thân với anh T cho đến nay, không gặp nhau để bàn bạc đoàn tụ gì. Khi còn sống chung, Chị và anh T cũng đã nhiều lần sống ly thân, mỗi lần từ 01 đến 02 tháng. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con, cháu Hồ Khánh B, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Hồ Khánh N, sinh ngày 07/11/2014.

Cháu N đang do Chị nuôi dưỡng còn cháu B do anh T đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, anh T nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh T.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho chị S được ly hôn anh T.

Giao cháu N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về kiến nghị, khắc phục: Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần khắc phục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 25/3/2019, chị S có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh T. Theo xác nhận của Ban Công an xã P tại đơn ly hôn và và tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh Hồ Văn T có đăng ký tạm trú tại ấp X, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng Anh vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Hồ Văn T.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết*: Quan hệ hôn nhân và gia đình của chị S, anh T được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu luật (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thời điểm này chị S chưa đủ 18 tuổi là vi phạm quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tuy nhiên, đến ngày 10/10/2014 đã đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của Anh, Chị là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn và giải quyết yêu cầu ly hôn của chị S theo thủ tục chung được quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

[5] Chị S yêu cầu được ly hôn, anh T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được theo quy định. Xét, mâu thuẫn vợ chồng (theo lời chị S trình bày) thì phát sinh mâu thuẫn sau khi cưới được 01 năm và đến năm 2015 thì trầm trọng. Nguyên nhân là do không có thời gian tìm hiểu kỹ nhau nên khi tiến đến hôn nhân thì xảy ra bất đồng quan điểm sống, tính cách lại khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng gây gỗ thường xuyên, không chia sẽ và hòa đồng được với nhau, sống ly thân nhiều lần và không hàn gắn đoàn tụ được. Qua tham khảo lời khai của ông Hồ Minh C, cha ruột anh T (bút lục số 18a) cũng xác định nguyên nhân chính dẫn đến chị S ly hôn cũng giống như lời chị S trình bày. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc nên xử cho chị S được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] *Về con chung:* Có hai con, cháu Hồ Khánh B, sinh ngày 01/02/2012 và cháu Hồ Khánh N, sinh ngày 07/11/2014.

Chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, anh T nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét, việc giao con cho ai được nuôi dưỡng cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thực tế, chỗ ở của các bên, điều kiện để phát triển về mọi mặt của con từ thể chất đến tinh thần và việc học hành. Theo lời khai của chị S và cháu B thì chị S và anh T là người trực tiếp nuôi các con từ khi chị S đi nơi khác sinh sống đến nay luôn được đảm bảo tốt. Vì vậy, xử giao cháu B cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu N cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng nhằm giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần, thể chất và cuộc sống cho các con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu B tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu nên không xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S khai không có, anh T vắng mặt, không có lời khai nên không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[10] Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về kiến nghị, khắc phục của Kiểm sát là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị S đối với anh Hồ Văn T.

Xử cho chị S được ly hôn với anh T.

Về con chung:

Giao cháu Hồ Khánh N, sinh ngày 07/11/2014 cho chị S được quyền tiếp tục nuôi dưỡng

Giao cháu Hồ Khánh B, sinh ngày 01/02/2012 cho anh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng

Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, chị S, anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị S, anh T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000463 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Chị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhơn Trạch;
- THADS H.Nhơn Trạch;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ